

Số: 12/2014/TT-BVHTTDL

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2014

THÔNG TƯ

**Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP,
ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc**

Căn cứ Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc;

Căn cứ Nghị định số 76/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Văn hóa dân tộc,

Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc.

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết thi hành chính sách bảo tồn và phát triển văn hóa, chính sách phát triển thể dục, thể thao và chính sách phát triển du lịch theo quy định tại Điều 13, 14 và 15 của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc (gọi tắt là Nghị định số 05/2011/NĐ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, các tổ chức, cá nhân có liên quan khi tham gia thực hiện công tác dân tộc.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Mục 1

BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA **(quy định chi tiết Điều 13 của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP)**

Điều 3. Hỗ trợ bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của các dân tộc thiểu số Việt Nam

1. Ưu tiên đầu tư kinh phí cho các dự án, đề tài nghiên cứu, sưu tầm, bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể của các dân tộc thiểu số theo quy định của pháp luật.



2. Nâng cao năng lực của chủ thể văn hóa; có hình thức khen thưởng, động viên, hỗ trợ nghệ nhân, người tham gia hoạt động truyền dạy văn hóa nghệ thuật truyền thống; sưu tầm, nghiên cứu, giới thiệu, truyền dạy những làn điệu dân ca, dân vũ, dân nhạc của các dân tộc thiểu số, sáng tạo các giá trị văn hóa nghệ thuật mới phục vụ đồng bào dân tộc thiểu số.

3. Sưu tầm, xuất bản, giới thiệu văn học dân gian của các dân tộc thiểu số.

4. Sản xuất các tác phẩm điện ảnh phản ánh cuộc sống xã hội miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

5. Sưu tầm, phục dựng và phát huy các nghề và làng nghề thủ công truyền thống của các dân tộc thiểu số; bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, văn nghệ truyền thống đặc sắc các dân tộc thiểu số.

6. Ưu tiên nghiên cứu, lập hồ sơ đề nghị xếp hạng hoặc công nhận các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể của đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.

7. Xây dựng các đề án, chương trình kiểm kê, nghiên cứu, sưu tầm, bảo quản, trưng bày, tuyên truyền các di sản văn hóa truyền thống điển hình của các dân tộc thiểu số.

Điều 4. Hỗ trợ việc giữ gìn tiếng nói, chữ viết của các dân tộc thiểu số

1. Hỗ trợ việc nghiên cứu, sưu tầm, khôi phục tiếng nói và chữ viết của các dân tộc thiểu số theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.

2. Tổ chức các hình thức giao lưu văn hóa, văn nghệ các dân tộc; khuyến khích và tạo điều kiện cho nghệ nhân các dân tộc thể hiện những tiết mục bằng tiếng dân tộc mình; tổ chức thi hát dân ca, kể chuyện, đặt lời mới cho làn điệu dân ca, hát những bài hát mới có lời bằng tiếng dân tộc thiểu số.

3. Ưu tiên tổ chức xuất bản sách, báo của ngành bằng tiếng dân tộc thiểu số hoặc bằng tiếng Việt và tiếng dân tộc thiểu số; hỗ trợ cấp sách, báo, tạp chí cho thư viện công cộng vùng dân tộc thiểu số.

4. Tổ chức sáng tác văn học nghệ thuật bằng ngôn ngữ của các dân tộc thiểu số, dịch các tác phẩm có nội dung phù hợp từ tiếng Việt sang tiếng dân tộc thiểu số; ưu tiên đầu tư kinh phí cho các sáng tác mới và tổ chức phổ biến bằng tiếng dân tộc thiểu số; khuyến khích việc sáng tác các tác phẩm bằng tiếng mẹ đẻ trong giới văn nghệ sỹ người dân tộc thiểu số.

5. Ưu tiên sản xuất phim có thuyết minh hoặc lồng tiếng dân tộc thiểu số, băng hình có lời thuyết minh giới thiệu bằng tiếng dân tộc, băng, đĩa ca nhạc bằng tiếng dân tộc thiểu số.

Điều 5. Ưu tiên xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa phục vụ đồng bào các dân tộc thiểu số

1. Ưu tiên đầu tư, xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa, hỗ trợ trang thiết bị, phương tiện phục vụ vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo các chương trình, đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Hỗ trợ kinh phí theo phân cấp quản lý để thực hiện các hoạt động sau:
 - a) Tổ chức trưng bày, triển lãm các sản phẩm kinh tế - văn hóa;
 - b) Trang bị máy chiếu phim cho các Đội chiếu phim lưu động;
 - c) Đầu tư trang thiết bị, sách, báo cho hệ thống thư viện công cộng để luân chuyển phục vụ đồng bào các dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.

Điều 6. Bảo tồn và phát huy lễ hội truyền thống của các dân tộc thiểu số

1. Kiểm kê, chọn lọc và hướng dẫn đồng bào dân tộc thiểu số phục dựng các lễ hội truyền thống tiêu biểu, trò diễn dân gian phù hợp với thuần phong mỹ tục và tình hình thực tế ở địa phương.
2. Tạo điều kiện thuận lợi để đồng bào các dân tộc thiểu số bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa đặc sắc của lễ hội truyền thống.
3. Khuyến khích việc phổ biến rộng rãi ở trong nước và nước ngoài các lễ hội truyền thống các dân tộc thiểu số có giá trị tiêu biểu.

Điều 7. Hỗ trợ xây dựng, tổ chức phong trào văn hóa, văn nghệ

1. Định kỳ tổ chức các liên hoan, ngày hội, hội thi, hội diễn, giao lưu văn hóa, thể thao và du lịch các dân tộc thiểu số theo từng khu vực hoặc từng dân tộc.
2. Ưu tiên hỗ trợ xây dựng các đội nghệ thuật quần chúng, các câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ dân gian và hoạt động văn hóa tại các thiết chế văn hóa ở địa phương.
3. Nâng cao chất lượng hoạt động của đội tuyên truyền văn hóa, có chế độ đãi ngộ thỏa đáng đối với đội viên tham gia; luân phiên tổ chức liên hoan đội tuyên truyền văn hóa theo khu vực; tăng cường hoạt động, nhân rộng mô hình “Điểm sáng văn hóa biên giới”.

Điều 8. Tổ chức hoạt động nghệ thuật chuyên nghiệp phục vụ đồng bào dân tộc thiểu số

1. Hỗ trợ đưa các hoạt động văn hóa, nghệ thuật đặc sắc (do các đơn vị nghệ thuật của Trung ương, đơn vị nghệ thuật cấp tỉnh thực hiện) phục vụ đồng bào dân tộc thiểu số, ưu tiên địa bàn sát biên giới, vùng đặc biệt khó khăn.
2. Hỗ trợ kinh phí theo phân cấp quản lý hoặc có cơ chế khuyến khích các đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp, đội tuyên truyền lưu động tổ chức các hoạt động phục vụ đồng bào dân tộc thiểu số tại vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng đặc biệt khó khăn.

Điều 9. Ưu tiên đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cán bộ văn hóa là người dân tộc thiểu số

1. Ưu tiên hỗ trợ công tác đào tạo, tập huấn bồi dưỡng cán bộ văn hóa biết sử dụng tiếng nói, chữ viết dân tộc thiểu số ở các địa bàn khó khăn vùng dân tộc thiểu số.
2. Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn các kiến thức cơ bản về quản lý điều hành cho cán bộ văn hóa, hạt nhân văn nghệ quần chúng, nâng cao ý thức, năng lực tổ

chức cho cán bộ xã, thôn, bản, ấp, buôn, sóc để tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ cộng đồng.

Mục 2

PHÁT TRIỂN THỂ DỤC, THỂ THAO VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ (quy định chi tiết Điều 14 của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP)

Điều 10. Phát triển các môn thể thao truyền thống các dân tộc thiểu số

1. Hỗ trợ việc sưu tầm, nghiên cứu bảo vệ, bảo tồn và phổ biến các trò chơi vận động dân gian, các môn thể thao dân tộc thiểu số; thống kê các trò chơi vận động dân gian của các dân tộc thiểu số thành một nội dung của nhiệm vụ sưu tầm, bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa phi vật thể của Việt Nam.

2. Lựa chọn một số trò chơi vận động dân gian, các môn thể thao của dân tộc thiểu số có đủ điều kiện đưa vào hệ thống giải thi đấu thể thao quần chúng cấp quốc gia; tổ chức trò chơi dân gian, các môn thể thao dân tộc trong các lễ hội, ngày hội, giải thể thao và hội thi thể thao.

3. Tổ chức các lễ hội truyền thống, thi đấu thể thao trong Ngày hội văn hóa, thể thao và du lịch của từng dân tộc. Định kỳ 02 năm/lần tổ chức Hội thi thể thao các dân tộc thiểu số từ cơ sở đến khu vực và toàn quốc. Định kỳ 4 năm/lần tổ chức Đại hội các môn thể thao dân tộc.

4. Hướng dẫn tập luyện, biểu diễn và thi đấu các môn thể thao dân tộc và phổ biến các môn thể thao dân tộc ra nước ngoài.

Điều 11. Tổ chức xây dựng và hỗ trợ các hoạt động thể dục, thể thao, xây dựng sân vận động, nhà thi đấu, trung tâm tập luyện thể dục thể thao vùng dân tộc thiểu số

1. Tổ chức đào tạo, tập huấn nguồn nhân lực thể dục, thể thao cho vùng dân tộc thiểu số theo các chương trình, đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Tổ chức huy động nguồn lực tại chỗ để xây dựng mỗi làng (thôn, bản, ấp) có ít nhất một điểm tập luyện thể thao tập trung, có đội thể thao làm nòng cốt.

3. Triển khai quy hoạch xây dựng hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật thể dục, thể thao như: sân vận động, nhà luyện tập thi đấu, bể bơi phù hợp với đặc điểm của địa phương, phong tục tập quán các dân tộc thiểu số thuộc các vùng, miền và khu vực.

Đối với các Trung tâm vùng trọng điểm của quốc gia thực hiện theo Quyết định số 1752/QĐ-TTg ngày 30 tháng 09 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc Quy hoạch hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật thể dục, thể thao quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

4. Ưu tiên đầu tư kinh phí xây dựng trung tâm văn hóa, thể thao xã; khu thể thao thôn, bản vùng dân tộc thiểu số theo Quyết định số 2164/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 11 tháng 11 năm 2013 về việc Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013-2020, định hướng đến năm 2030.

Mục 3
PHÁT TRIỂN DU LỊCH VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ
(quy định chi tiết Điều 15 của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP)

Điều 12. Phát triển du lịch vùng dân tộc thiểu số

1. Ưu tiên hỗ trợ hoạt động tuyên truyền, quảng bá, xúc tiến du lịch các vùng dân tộc thiểu số; nghiên cứu, khảo sát tiềm năng du lịch, lựa chọn xây dựng các sản phẩm du lịch đặc trưng cho các vùng dân tộc thiểu số; phát triển mô hình du lịch miền núi có sự tham gia của cộng đồng các dân tộc thiểu số. Cụ thể như sau:

a) Hỗ trợ công tác nghiên cứu, khảo sát tiềm năng du lịch, xây dựng quy hoạch du lịch của các vùng dân tộc thiểu số;

b) Hỗ trợ việc lựa chọn và xây dựng các sản phẩm du lịch đặc trưng của các vùng dân tộc thiểu số có tiềm năng du lịch phát triển, phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển du lịch của vùng, khu vực, địa phương;

c) Ưu tiên xây dựng, phát triển loại hình du lịch dựa trên địa hình miền núi, có sự tham gia của cộng đồng các dân tộc thiểu số; hỗ trợ việc bảo vệ, gìn giữ môi trường tự nhiên, môi trường nhân văn tại nơi có các hoạt động du lịch;

d) Hỗ trợ công tác quảng bá, xúc tiến các điểm đến, các sản phẩm du lịch của vùng dân tộc thiểu số; tạo điều kiện để đơn vị quản lý các điểm du lịch tham gia các sự kiện, chương trình quảng bá, xúc tiến du lịch của vùng và quốc gia.

2. Hỗ trợ phát triển du lịch theo mô hình bền vững, có trách nhiệm, bảo đảm cộng đồng vùng dân tộc thiểu số có quyền tham gia và hưởng lợi từ hoạt động du lịch:

a) Ưu tiên các hoạt động khảo sát, đánh giá tiềm năng du lịch ở các vùng dân tộc thiểu số; tổ chức khai thác hợp lý tài nguyên, cảnh quan du lịch theo nguyên tắc khai thác gắn chặt với bảo tồn, thu hút người dân địa phương tham gia và được hưởng lợi từ hoạt động du lịch;

b) Ưu tiên hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng tại các bản, làng của đồng bào dân tộc thiểu số theo mô hình lưu trú tại nhà dân (homestay); khai thác, phát huy văn hóa truyền thống đặc sắc của đồng bào dân tộc thiểu số phục vụ phát triển du lịch; hạn chế tác động tiêu cực của hoạt động du lịch tới đời sống, văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số;

c) Hướng dẫn khách du lịch khi tới tham quan, lưu trú tại các bản làng, điểm du lịch ở vùng dân tộc thiểu số tuân thủ và tôn trọng phong tục tập quán, lối sống và văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc;

d) Xây dựng cơ chế thu hút đầu tư vào điểm du lịch và các bản, làng theo mô hình du lịch cộng đồng, ưu tiên dự án hỗ trợ của các tổ chức phi chính phủ;

e) Ưu tiên tổ chức các sự kiện du lịch tại vùng dân tộc thiểu số.

3. Ưu tiên hỗ trợ các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn phát triển nguồn nhân lực du lịch tại khu vực miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nơi có tiềm năng phát triển du lịch theo hướng:

a) Bảo đảm về số lượng, chất lượng và cơ cấu nhân lực du lịch, sử dụng hiệu quả và có đãi ngộ thỏa đáng nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển du lịch tại vùng dân tộc thiểu số có du lịch phát triển hoặc có tiềm năng phát triển;

b) Tập trung đầu tư phát triển nhân lực du lịch là người dân tộc thiểu số (đặc biệt là đội ngũ hướng dẫn viên, thuyết minh viên) đạt trình độ cơ bản; áp dụng cơ chế, chính sách ưu đãi đặc biệt để đào tạo, thu hút;

c) Huy động các nguồn lực đầu tư, khuyến khích, ưu đãi ở mức cao nhất về đất đai, thuế và ưu đãi khác cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nhân lực du lịch tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nơi có tiềm năng phát triển du lịch; phát huy vai trò của cộng đồng dân cư các dân tộc thiểu số trong phát triển du lịch;

d) Ưu tiên tạo điều kiện thuận lợi cho con em các dân tộc thiểu số được đào tạo đồng bộ về cơ cấu ngành nghề du lịch với các trình độ từ sơ cấp nghề đến đại học và sau đại học;

e) Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia phát triển nhân lực du lịch là người dân tộc thiểu số;

f) Dành ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý và áp dụng cơ chế tài chính đặc thù để thực hiện nhiệm vụ, chương trình, dự án về đào tạo, bồi dưỡng phát triển nhân lực du lịch là dân tộc thiểu số, đặc biệt tại những vùng có tiềm năng phát triển du lịch;

g) Khuyến khích các cơ sở đào tạo du lịch, doanh nghiệp du lịch đầu tư đào tạo, bồi dưỡng nhân lực du lịch là người dân tộc thiểu số; tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp tham gia tuyển dụng, sử dụng nhân lực du lịch là dân tộc thiểu số.

Điều 13. Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch gắn với bảo vệ môi trường sinh thái

1. Ưu tiên hỗ trợ đầu tư hạ tầng du lịch từ ngân sách Trung ương cho các vùng dân tộc thiểu số có tiềm năng phát triển du lịch theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức lồng ghép đầu tư xây dựng hạ tầng du lịch vào các chương trình, dự án đầu tư tại địa phương.

3. Hỗ trợ đầu tư hạ tầng du lịch lồng ghép với các chương trình đề án, dự án từ ngân sách trung ương cho các vùng dân tộc thiểu số có tiềm năng phát triển du lịch nhưng có khó khăn về ngân sách theo quy định của pháp luật.

4. Huy động nguồn hỗ trợ, tài trợ của các tổ chức trong nước và quốc tế để đầu tư hạ tầng du lịch cho các địa phương có đồng bào dân tộc thiểu số.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm thi hành

1. Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm:

a) Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác văn hóa, thể thao và du lịch đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định tại Thông tư này và các văn bản khác có liên quan.

b) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan bố trí nguồn lực đầu tư, hỗ trợ, lồng ghép công tác văn hóa, thể thao và du lịch với các chương

trình, đề án, dự án về phát triển kinh tế - xã hội đã và đang thực hiện trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số.

2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng kế hoạch công tác văn hóa, thể thao và du lịch vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn theo quy định tại Thông tư này và các văn bản khác có liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt và triển khai thực hiện.

3. Chế độ thông tin, báo cáo:

Định kỳ 06 tháng và 01 năm, các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện chính sách dân tộc thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (qua Vụ Văn hóa dân tộc) để tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban Dân tộc và Thủ tướng Chính phủ.

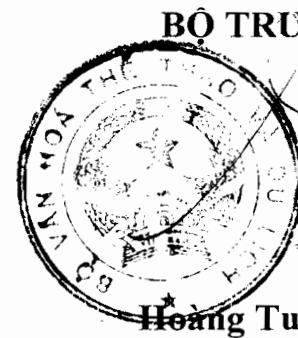
Điều 15. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 25 tháng 11 năm 2014

2. Trong quá trình thực hiện, có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (qua Vụ Văn hóa dân tộc) để xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. / *Đ.T.M.*

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Công báo; Website Chính phủ;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ VH-TT-DL;
- Các Tổng cục, Cục, Vụ, đơn vị trực thuộc Bộ VH-TT-DL;
- Sở VH-TT-DL các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Lưu: VT, Vụ VHDT. Hg (300).



BỘ TRƯỞNG

Hoàng Tuấn Anh